

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI KHÁNH HÒA  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA - XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP NĂM 2026 CỦA VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI KHÁNH HÒA**  
( Kèm theo Thông báo số: 20 /TB-HĐTD ngày 24/6/2026 của Hội đồng tuyển dụng viên chức  
về việc công nhận kết quả trúng tuyển viên chức sự nghiệp Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa năm 2026

Số TT	Số báo danh	Họ và tên thí sinh	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Trình độ	Chuyên môn (ngành; chuyên ngành ĐT)	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Mã chức danh dự tuyển	Lĩnh vực đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm vấn đáp	Điểm tổng cộng
1	ĐĐ01	Phạm Duy Bằng	28/04/1981	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			97	<b>97</b>
2	ĐĐ03	Dương Thành Công	05/11/1989	Hồng Châu, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Vạn Ninh	V.06.06.17	Chuyên ngành			92	<b>92</b>
3	ĐĐ08	Huỳnh Thị Lan	25/08/1991	Xuân Lộc, Đồng Nai	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			90	<b>90</b>
4	ĐĐ11	Võ Quang Ngọc	04/01/1990	Huế	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			86	<b>86</b>
5	ĐĐ13	Nguyễn Huy Tùng	19/07/1995	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			96	<b>96</b>
6	ĐĐ16	Cao Xuân Thông	13/04/1983	Diễn Châu, Nghệ An	Đại học	Trắc địa	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			91	<b>91</b>
7	ĐĐ18	Trần Thị Vũ Lai	18/12/1988	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai+ trắc địa	Đo đạc bản đồ	Phòng Kỹ thuật địa chính	V.06.06.17	Chuyên ngành			96	<b>96</b>
8	ĐĐ25	Trần Lê Thanh Xuân	01/11/1982	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			91,5	<b>91,5</b>
9	ĐĐ26	Dương Văn Thắng	04/05/1989	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			98,5	<b>98,5</b>
10	ĐĐ27	Nguyễn Thị Thơm	06/07/1996	Đông Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hòa	V.06.06.17	Chuyên ngành			92	<b>92</b>
11	ĐĐ28	Nguyễn Bá Thành	30/07/1995	Tuy An Nam, Đak Lak	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Khánh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			89	<b>89</b>
12	ĐĐ30	Trần Bảo Điệp	03/02/1996	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Khánh Vĩnh	V.06.06.17	Chuyên ngành			92	<b>92</b>

13	ĐĐ32	Lý Quốc Tài	02/12/1992	Diên Khánh, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành			94	<b>94</b>
14	ĐĐ33	Nguyễn Trọng Thành	28/08/1978	Bắc Ninh	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Diên Khánh	V.06.06.17	Chuyên ngành			97	<b>97</b>
15	ĐĐ41	Nguyễn Nam Anh	09/11/1996	Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			95	<b>95</b>
16	ĐĐ42	Võ Đình Kiên	10/05/1982	Nam Đàn, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Nha Trang	V.06.06.17	Chuyên ngành			96,5	<b>96,5</b>
17	ĐĐ44	Nguyễn Lâm	07/10/1982	Thạch Hân, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			68,75	<b>68,75</b>
18	ĐĐ46	Trần Quốc Truyền	14/10/1996	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	Đại học	Trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Sơn	V.06.06.17	Chuyên ngành			64,7	<b>64,7</b>
19	ĐĐ47	Hà Hữu Hạnh	20/12/1990	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Phước	V.06.06.17	Chuyên ngành	DTTS	5	63,5	<b>68,5</b>
20	ĐĐ48	Nguyễn Thanh Toàn	25/03/1983	Kim Trà, Huế	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành			95,75	<b>95,75</b>
21	ĐĐ50	Nguyễn Chính Duy	16/08/1992	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Đo đạc bản đồ	CN Cam Ranh	V.06.06.17	Chuyên ngành	HTNVQS	2,5	91	<b>93,5</b>
22	ĐĐ55	Phan Trọng Nghĩa	15/04/1991	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành			67,75	<b>67,75</b>
23	ĐĐ56	Trần Sơn Vũ	10/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Ninh Hải	V.06.06.17	Chuyên ngành			90,25	<b>90,25</b>
24	ĐĐ58	Nguyễn Đình Luật	02/07/1984	Hòa Hiệp, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành			84,25	<b>84,25</b>
25	ĐĐ59	Nguyễn Kính Khiêm	08/06/1991	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Thuận Nam	V.06.06.17	Chuyên ngành			77,75	<b>77,75</b>
26	ĐĐ60	Nguyễn Ngọc Sang	20/07/1992	Khánh Hòa	Thạc sĩ	Trắc địa bản đồ + Quản lý đất đai+ Luật	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			94,25	<b>94,25</b>
27	ĐĐ62	Võ Đình Sơn Tùng	18/06/1987	Tây Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Đo đạc bản đồ	CN Cam Lâm	V.06.06.17	Chuyên ngành			91,75	<b>91,75</b>
28	BM01	Trịnh Như Quỳnh	24/04/1985	Thọ Xuân, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Kế toán	Chuyên viên tổ chức bộ máy	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			98	<b>98</b>
29	VT01	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	02/09/1986	Gia Lai	Đại học	lưu trữ- quản trị văn phòng	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			97,5	<b>97,5</b>
30	VT07	Hoàng Thị Lệ	19/12/1982	Hải Phòng	Đại học	Luật	Văn thư viên	Phòng HC-TH	02.007	Chuyên môn dùng chung			99	<b>99</b>
31	VT08	Nguyễn Lê Ngọc Chi	15/10/1984	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Văn thư viên	CN Ninh Hòa	02.007	Chuyên môn dùng chung			90	<b>90</b>

32	VT09	Ngô Thị Mỹ Nga	06/04/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Văn thư viên	CN Ninh Phước	02.007	Chuyên môn dùng chung			82,5	<b>82,5</b>
33	TH01	Lê Nguyên Gia Phong	30/08/1980	Gia Lai	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Công nghệ thông tin	Chuyên viên tổng hợp	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			98	<b>98</b>
34	ĐCTT02	Nguyễn Hoàng Lâm	16/01/2002	Tây Sơn, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			98	<b>98</b>
35	ĐCTT04	Lê Văn Khánh	02/04/1986	Thạch Phước, Vĩnh Long	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	<b>96</b>
36	ĐCTT06	Trần Thị Trang Đài	05/11/1975	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng TTLT	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	<b>97</b>
37	HC01	So Thị Bích Tuyền	17/12/1991	Sơn Hòa, Đak Lak	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Bác Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	85	<b>90</b>
38	HC03	Ngô Thị Ánh Nguyệt	12/05/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			83	<b>83</b>
39	HC04	Cao Thị Nghia	13/11/1987	Minh Hóa, Quảng Trị	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	CTB	5	74	<b>79</b>
40	HC06	Trần Hồ Chí Trung	08/10/1991	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			79	<b>79</b>
41	HC07	Dương Thị Hằng	17/01/1982	Tây Hoa Lư, Ninh Bình	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			81	<b>81</b>
42	HC09	Lê Phúc Hòa	06/09/1985	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			84,5	<b>84,5</b>
43	HC13	Phạm Quang Huy	27/11/1988	Gia Lai	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			83,5	<b>83,5</b>
44	HC16	Nguyễn Trần Việt Linh	23/03/1995	Diên Thọ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			80	<b>80</b>
45	HC20	Châu Ngọc Thanh Hải	15/10/1982	Núi Thành, Đà Nẵng	Đại học	Công nghệ thông tin	Chuyên viên Hành chính văn phòng	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			82	<b>82</b>
46	HC23	Phan Xuân Ngân	04/03/1990	Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Chuyên viên Hành chính văn phòng	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			80	<b>80</b>
47	KT01	Bùi Thị Hòa	19/04/1986	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Ninh Phước	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			98,5	<b>98,5</b>
48	KT07	Lê Thị Thu Nguyệt	24/08/1991	Vạn Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Vạn Ninh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			90	<b>90</b>
49	KT08	Bùi Thị Hoàng Giang	03/11/1991	Bắc Đông Quan, Hưng Yên	Đại học	Tài chính ngân hàng	Kế toán viên	CN Cam Ranh	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			93	<b>93</b>
50	KT10	Nguyễn Thị Nhật Hiệp	20/04/1987	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	CN Cam Lâm	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			90	<b>90</b>

51	KT12	Đỗ Thị Như Hoa	23/09/1992	Hải Phòng	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			98,5	<b>98,5</b>
52	KT17	Nguyễn Thị Tinh	26/04/1984	Nam Cửa Việt, Quảng Trị	Đại học	Kế toán	Kế toán viên	Phòng HC-TH	V.06.031	Chuyên môn dùng chung			95	<b>95</b>
53	PC02	Lê Thị Thanh Phúc	18/03/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			87	<b>87</b>
54	PC05	Nguyễn Thế Cường	05/01/1985	Vĩnh Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			88,5	<b>88,5</b>
55	PC07	Nguyễn Minh Thảo	20/10/1977	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			73	<b>73</b>
56	PC09	Lê Hoàng Phước	21/02/1993	Khánh Hòa	Thạc sĩ; Đại học	Thạc sĩ Luật kinh tế CN Luật + Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Pháp chế viên	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			69,5	<b>69,5</b>
57	PC12	Nguyễn Thị Kim Dung	15/08/1976	Cát Khánh, Đak Lak	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			68	<b>68</b>
58	PC14	Trần Viết Văn	23/08/2002	Tam Quan, Gia Lai	Đại học	Luật	Pháp chế viên	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			95,5	<b>95,5</b>
59	PC18	Mai Thành Trung	15/06/2001	Hải Lĩnh, Thanh Hóa	Đại học	Luật	Pháp chế viên	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			98	<b>98</b>
60	LT01	Thái Thị Hiền	27/05/1991	Đô Lương, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Bác Ái	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			97,5	<b>97,5</b>
61	LT02	Lê Hoàng Anh	15/11/1990	Hà Bắc, Hải Phòng	Đại học	Công nghệ thông tin	Lưu trữ viên	CN Khánh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			95	<b>95</b>
62	LT06	Nguyễn Thị Lụa	17/05/1990	An Lão, Gia Lai	Đại học	Luật kinh tế	Lưu trữ viên	CN Ninh Sơn	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			92,5	<b>92,5</b>
63	LT07	Nguyễn Văn Khoa	15/11/1988	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Thuận Nam	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			84	<b>84</b>
64	LT10	Cao Thị Thúy Trang	30/07/1978	Cam Ranh, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Tiếng anh	Lưu trữ viên	CN Cam Ranh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			92	<b>92</b>
65	LT12	Mai Hữu Linh	31/05/1982	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Công nghệ thông tin	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			96,5	<b>96,5</b>
66	LT13	Nguyễn Tấn Tài	23/10/1992	Hòa Trí, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Ninh Hòa	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			98	<b>98</b>
67	LT16	Nguyễn Thị Kiều Diễm	19/10/1987	Gia Lai	Đại học	Quản trị Văn phòng	Lưu trữ viên	CN Cam Lâm	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			95	<b>95</b>
68	LT18	Nguyễn Thành Đạt	30/11/1992	Diên Điền, Diên Khánh	Đại học	Luật	Lưu trữ viên	CN Diên Khánh	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			94	<b>94</b>
69	LT21	Võ Thụy Thanh Tâm	25/06/1980	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	Lưu trữ viên	CN Nha Trang	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			87	<b>87</b>

70	LT24	Trần Thị Ánh Chung	05/02/1985	Việt Xuyên, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Lưu trữ viên	Phòng TTLT	V.01.02.02	Chuyên môn dùng chung			92	<b>92</b>
71	ĐC01	Huỳnh Quang Thanh	06/06/1976	Vĩnh Long	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	95	<b>100</b>
72	ĐC02	Nguyễn Văn Thà	17/12/1993	Phan Rang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	<b>96</b>
73	ĐC04	Huỳnh Lê Tú Uyên	27/12/1992	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			94	<b>94</b>
74	ĐC06	Lương Tấn Dương	01/03/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành	HTNVQS	2,5	93,5	<b>96</b>
75	ĐC08	Võ Thị Xuân Lạnh	10/06/1994	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Phan Rang	V.06.01.02	Chuyên ngành			92,5	<b>92,5</b>
76	ĐC11	Hồ Công Bình	18/03/1994	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành			95,5	<b>95,5</b>
77	ĐC13	Trần Quốc Phương	10/10/1984	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Nam	V.06.01.02	Chuyên ngành			94,25	<b>94,25</b>
78	ĐC14	Lê Võ Ngọc Vũ	14/11/1992	Cầm Thành, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			98,75	<b>98,75</b>
79	ĐC16	Nguyễn Thái Hoàng Long	18/07/1989	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			98,25	<b>98,25</b>
80	ĐC17	Đỗ Thị Lệ Hằng	02/08/1978	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			95,5	<b>95,5</b>
81	ĐC18	Ngô Vĩnh Minh	26/02/1988	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			92,5	<b>92,5</b>
82	ĐC20	Huỳnh Lê Quang Huy	11/01/1984	Trà Cầu, Quảng Ngãi	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	<b>96</b>
83	ĐC21	Lê Thành Vinh	19/44/1979	Đức Thọ, Hà Tĩnh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai; Thạc sĩ kinh tế	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,5	<b>97,5</b>
84	ĐC22	Phan Quốc Đạt	10/12/1996	Nam Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			94,5	<b>94,5</b>
85	ĐC23	Trào Văn Thức	16/01/1996	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			98	<b>98</b>
86	ĐC24	Nguyễn Phan Quốc Huy	19/05/1996	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,75	<b>96,75</b>
87	ĐC25	Ngô Anh Khoa	12/11/1988	Diên Điền, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,75	<b>96,75</b>
88	ĐC26	Nguyễn Thị Anh Kiều	29/07/2000	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính và quản lý đô thị	Địa chính viên	Phòng ĐK và CGCN	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,75	<b>97,75</b>
89	ĐC27	Nguyễn Thị Diệu Lương	05/11/1996	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			84	<b>84</b>

90	ĐC28	Nguyễn Thị Diệu Hiền	25/05/1994	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			85	<b>85</b>
91	ĐC29	Trần Thị Thu Thùy	20/04/1992	Bảo An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			85,5	<b>85,5</b>
92	ĐC31	Lê Thị Bích Hợp	26/12/1976	Công Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	Địa chính viên	CN Ninh Hải	V.06.01.02	Chuyên ngành			92	<b>92</b>
93	ĐC32	Phạm Nguyễn Linh Trang	28/02/1985	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành			76	<b>76</b>
94	ĐC33	Đinh Thị Thúy	15/09/1995	Hoài Nhơn Tây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành			87	<b>87</b>
95	ĐC34	Nguyễn Thị Kim Cúc	03/12/1997	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Sơn	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	<b>80</b>
96	ĐC35	Võ Thị Kim Tiến	08/0/1989	Bắc Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			90,5	<b>90,5</b>
97	ĐC38	Nguyễn Cảnh Thực	23/01/1985	Lương Sơn, Nghệ An	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			92	<b>92</b>
98	ĐC39	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/02/1992	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	<b>86</b>
99	ĐC40	Lê Thị Thu Thảo	06/02/1993	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			90	<b>90</b>
100	ĐC44	Nguyễn Huỳnh Minh Tuấn	28/03/2001	Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			89	<b>89</b>
101	ĐC45	Nguyễn Anh Sang	05/03/1998	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	<b>80</b>
102	ĐC48	Lương Thị Ngọc Thanh	07/11/1990	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Địa chính	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			75	<b>75</b>
103	ĐC49	Phan Thanh Chinh	20/10/1985	Đức Thịnh, Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	<b>86</b>
104	ĐC50	Dương Thị Thu Dung	17/08/1984	Đan Hải, Hà Tĩnh	Đại học	Trắc địa	Địa chính viên	CN Ninh Hòa	V.06.01.02	Chuyên ngành			95,5	<b>95,5</b>
105	ĐC52	Đặng Kim Phong	02/09/1987	Đông Hòa, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	<b>97</b>
106	ĐC53	Lê Thị Ái Nhi	16/12/1993	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			93,5	<b>93,5</b>
107	ĐC54	Lý Hùng Sơn	19/04/1995	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			93	<b>93</b>
108	ĐC57	Nguyễn Thị Kim Ánh	26/02/1988	Diên Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			75	<b>75</b>
109	ĐC58	Đỗ Quyên	25/10/1995	Suối Dầu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Lâm	V.06.01.02	Chuyên ngành			80	<b>80</b>

110	ĐC66	Hoàng Đình Hưng	30/09/1983	Tuyên Quang	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành	DTTS	5	97	<b>102</b>
111	ĐC73	Nguyễn Linh Trí	05/04/1998	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			96	<b>96</b>
112	ĐC75	Huỳnh Đăng Khánh	03/02/1988	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			95	<b>95</b>
113	ĐC77	Trần Thị Thanh Trúc	12/06/1990	Vạn Ninh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Vạn Ninh	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	<b>97</b>
114	ĐC78	Lê Thị Hồng	29/04/1995	Vĩnh Hải, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành			94,5	<b>94,5</b>
115	ĐC79	Nguyễn Trần Phước Trung	10/01/1990	Diên Khánh, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Khánh Vĩnh	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,5	<b>97,5</b>
116	ĐC85	Lê Thị Như Hoa	30/12/1985	Quảng Ngọc, Thanh Hóa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành	CNHDKC BNCĐHH	5	97	<b>102</b>
117	ĐC88	Đào Văn Lộc	22/02/1985	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			97	<b>97</b>
118	ĐC90	Nguyễn Thị Vân Anh	24/02/1980	Thanh Hà, Hải Phòng	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			93	<b>93</b>
119	ĐC93	Ngô Quốc Phong	03/01/2000	Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Nha Trang	V.06.01.02	Chuyên ngành			92,5	<b>92,5</b>
120	ĐC94	Ngô Thị Cẩm Tú	03/01/1985	Tân Trụ, Tây Ninh	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	95	<b>100</b>
121	ĐC95	Nguyễn Phi Phương Hoàng	21/05/1988	Cam An, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			97,5	<b>97,5</b>
122	ĐC97	Lưu Thị Ngọc Diệu	10/02/1992	Hòa Thịnh, Đak LaK	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			99,5	<b>99,5</b>
123	ĐC98	Phạm Minh Uyên	26/03/1992	Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,5	<b>96,5</b>
124	ĐC105	Lý Nguyễn Bửu Trân	10/01/1988	Ngô Mây, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Diên Khánh	V.06.01.02	Chuyên ngành			96,5	<b>96,5</b>
125	ĐC106	Đình Văn Khôi	22/07/1997	Hòa Hội, Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Bắc Ái	V.06.01.02	Chuyên ngành			98	<b>98</b>
126	ĐC108	Trương Minh Thành	02/03/1989	Phước Hậu, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành	HTNVQS	2,5	94	<b>96,5</b>
127	ĐC110	Hà Thủy Kiều Giang	14/12/1983	Thái Thụy, Hưng Yên	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			69,5	<b>69,5</b>
128	ĐC111	Bạch Lâm Sơn	06/08/1993	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Ninh Phước	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	<b>86</b>
129	ĐC114	Phan Thị Thu Hằng	08/05/1989	Đông Hải, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Thuận Bắc	V.06.01.02	Chuyên ngành			75	<b>75</b>

130	ĐC119	Trương Thị Anh Đào	02/08/1983	Gia Lai	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			87,5	<b>87,5</b>
131	ĐC120	Đào Ngọc Hiền	18/09/1984	Nghĩa Khánh, Nghệ An	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành	CTB	5	89	<b>94</b>
132	ĐC122	Huỳnh Thị Lãng	26/02/1981	Sông Cầu, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			86	<b>86</b>
133	ĐC124	Hồ Minh Huy	14/10/1991	Sông Cầu, Đak Lak	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Địa chính viên	CN Cam Ranh	V.06.01.02	Chuyên ngành			86,5	<b>86,5</b>
134	MC01	Nguyễn Trần Vịnh	21/03/1992	Tây Nha Trang, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Khánh Vĩnh	01.003	Chuyên môn dùng chung			97,5	<b>97,5</b>
135	MC02	Hồ Trọng Liêm	05/04/1995	Tu Bông, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			99	<b>99</b>
136	MC07	Trần Thị Thanh Hương	09/07/1990	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Vạn Ninh	01.003	Chuyên môn dùng chung			94,5	<b>94,5</b>
137	MC10	Ngô Thị Nghĩa	26/02/1985	Trường Vân, Thanh Hóa	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Diên Khánh	01.003	Chuyên môn dùng chung			90	<b>90</b>
138	MC14	Lê Thị Như	23/06/1991	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			100	<b>100</b>
139	MC15	Ngô Thảo Nguyên	05/02/1983	Tân Định, Khánh Hòa	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			100	<b>100</b>
140	MC20	Nguyễn Thị Thu	18/11/1974	Ninh Hòa, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			92	<b>92</b>
141	MC21	Trần Văn Linh	12/09/1988	Hòa Thắng, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai + Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hòa	01.003	Chuyên môn dùng chung			93	<b>93</b>
142	MC24	Lê Thị Hồng Phấn	13/07/1989	Tuy An Đông, Đak Lak	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			86	<b>86</b>
143	MC31	Ngô Bảo Tố Nga	19/11/1988	Lâm Đồng	Đại học	Toán tin + Quản lý đất đai+ Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung	CBCĐ	1,5	87	<b>88,5</b>
144	MC35	Nguyễn Thu Phương	01/06/1996	Hải Hưng, Ninh Bình	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Ranh	01.003	Chuyên môn dùng chung			95	<b>95</b>

145	MC39	Võ Thị Ngọc Phương	07/04/1987	Quảng Ngãi	Đại học	Kế toán + Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			85	<b>85</b>
146	MC41	Lê Thị Minh Khang	12/01/1994	Cam Lâm, Khánh Hòa	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Cam Lâm	01.003	Chuyên môn dùng chung			91	<b>91</b>
147	MC48	Hồ Thị Trúc Hà	07/10/1995	Đô Vinh, Khánh Hòa	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Bắc Ái	01.003	Chuyên môn dùng chung			92,5	<b>92,5</b>
148	MC50	Nguyễn Châu Khâm	11/09/1990	Đức Phổ, Quảng Ngãi	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Phước	01.003	Chuyên môn dùng chung			96	<b>96</b>
149	MC57	Lưu Trọng Tín	09/01/1988	Thạch Thành, Thanh Hóa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý đất đai + Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Nha Trang	01.003	Chuyên môn dùng chung			95	<b>95</b>
150	MC59	Hồ Thị Ngọc Thúy	17/02/1995	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			91,5	<b>91,5</b>
151	MC64	Nguyễn Thị Diễm Thoa	11/11/1985	Xuân Hải, Khánh Hòa	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Hải	01.003	Chuyên môn dùng chung			89	<b>89</b>
152	MC75	Bùi Trung Đức	03/10/1996	Quyển Lưu, Nghệ An	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			94,25	<b>94,25</b>
153	MC79	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	19/02/1981	Ninh Chữ, Khánh Hòa	Đại học	Kinh tế; kinh tế đối ngoại	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Phan Rang	01.003	Chuyên môn dùng chung			95,75	<b>95,75</b>
154	MC87	Hồ Thị Thu Hiền	14/10/1995	Hà Tĩnh	Đại học	Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			96	<b>96</b>
155	MC88	Mai Thị Hoa Lộc	01/04/1986	Vạn Lộc, Thanh Hóa	Đại học	Công nghệ thông tin	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Ninh Sơn	01.003	Chuyên môn dùng chung			90	<b>90</b>
156	MC91	Lường Thị Quỳnh	11/04/1995	Cẩm Tân, Thanh Hóa	Đại học	Luật + Quản lý đất đai	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Nam	01.003	Chuyên môn dùng chung	DTTS	5	80	<b>85</b>
157	MC92	Nguyễn Thị Kim Huy	08/08/1986	Ninh Phước, Khánh Hòa	Đại học	Luật	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	CN Thuận Bắc	01.003	Chuyên môn dùng chung			80,5	<b>80,5</b>

158	MC94	Nguyễn Việt Trinh	08/04/1990	Ba Đồn, Quảng Trị	Đại học	Quản lý đất đai + Kế toán	CV Hành chính văn phòng (một cửa)	Phòng HC-TH	01.003	Chuyên môn dùng chung			100	<b>100</b>
-----	------	-------------------	------------	----------------------	---------	------------------------------	--------------------------------------	-------------	--------	--------------------------	--	--	-----	------------